

Bản án số: **01/2024/DS-ST**

Ngày: 15/01/2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tám

2. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:* Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2023/TLST- DS, ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXX-DS, ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Châu Thị C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp Vĩnh H, xã Hòa Ch, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Châu Thị C trình bày:

Thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, chồng bà Nguyễn Thị Đ (Gọi tắt là bà Đ) là ông Lê Phong P (Hiện ông P đã chết) nhiều lần đến đại lý Khả Ten do

bà Châu Thị C (*Viết tắt là bà C*) làm chủ để mua nợ tiền vật tư nông nghiệp, gồm phân bón và thuốc trừ sâu, với số tiền 189.636.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Ngày 11/10/2017 các bên chốt công nợ, bà Đ còn nợ bà C số tiền 189.636.000 đồng, bà Đ cam kết đến cuối năm 2020 sẽ thanh toán cho bà C nợ gốc 189.636.000 đồng, thì bà C không tính tiền lãi suất. Sau đó, bà Đ có trả cho bà C được 03 lần, bằng số tiền 50.000.000 đồng, cụ thể: Năm 2020 bà Đ trả bà C được số tiền 30.000.000 đồng; năm 2021 trả 10.000.000 đồng và năm 2022 trả 10.000.000 đồng. Nên số nợ còn lại $189.636.000đ - 50.000.000đ = 139.636.000$ đồng đến nay bà Đ không thanh toán cho bà C.

Bà C yêu cầu bà Đ trả nợ gốc là 139.636.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/01/2021 đến khi Tòa án xét xử.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/12/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà Đ thừa nhận lời trình bày của phía nguyên đơn là đúng. Thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, ông Lê Phong P (chồng bà Đ) nhiều lần đến đại lý Khả Ten do bà C làm chủ để mua nợ tiền vật tư nông nghiệp, hiện bà Đ còn nợ bà C số tiền 139.636.000 đồng. Bà Đ đồng ý trả cho bà C số tiền 139.636.000 đồng nhưng bà xin trả cho bà C với hình thức mỗi năm số tiền 10.000.000 đồng và xin bà C không tính tiền lãi suất.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà C đồng ý không tính tiền lãi suất bà Đ, bà C chỉ yêu cầu bà Đ trả nợ gốc là 139.636.000 đồng.

Bị đơn bà Đ thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng bà Đ. Năm 2018 ông Lê Phong P bị bệnh nên đã chết trong năm 2019. Khi ông P còn sống thì ông có thuê đất canh tác nên có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của bà C, hiện còn nợ bà C gốc 139.636.000 đồng. Nay ông P đã chết không còn ai thuê đất canh tác, bà Đ không còn làm ruộng. Bà Đ đồng ý trả cho bà C số tiền 139.636.000 đồng nhưng do hoàn cảnh bà Đ đang khó khăn về kinh tế nên bà xin trả cho bà C mỗi năm hai lần, mỗi lần 06 tháng sẽ trả 10.000.000 đồng, tổng cộng 20.000.000đ/năm đến khi dứt nợ. Bắt đầu trả từ ngày 25/06/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương

sự là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Đương sự có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh T, tỉnh Kiên G nên căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh T, tỉnh Kiên G thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Châu Thị C với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản. Cụ thể, nguyên đơn bà C yêu cầu bị đơn bà Đ trả tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật còn thiếu nợ gốc 139.636.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

[3]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C đối với bị đơn bà Đ, HĐXX nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đ thừa nhận từ năm 2010 đến năm 2017, chồng bà Đ là ông Lê Phong P nhiều lần đến đại lý của bà C để mua nợ tiền phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, hiện vợ chồng bà Đ, ông P còn thiếu bà C gốc 139.636.000 đồng. Năm 2019 ông P chết, bà Đ xác định đây là nợ chung của vợ chồng nên bà Đ đồng ý trả cho bà C số tiền 139.636.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh bà Đ khó khăn về kinh tế, bà xin trả cho bà C với hình thức 06 tháng trả 10.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Bắt đầu trả từ ngày 25/06/2024, nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Xét về tổng số nợ các bên đã thống nhất thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hai bên chỉ còn tranh chấp về phương thức trả nợ.

Xét việc bà Đ xin trả cho nguyên đơn bà C số tiền 139.636.000 đồng với hình thức 06 tháng trả số tiền 10.000.000 đồng đến khi dứt nợ, HĐXX cho rằng: Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: *“Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành”*. Do đó, việc bà Đ xin trả nợ cho nguyên đơn với hình thức nêu trên là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Về phần lãi suất: Do phía bị đơn bà C không yêu cầu, nên HĐXX miễn xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.981.800 đồng (Làm tròn 6.981.000 đồng).

Bà Ch không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các khoản 2 Điều 305, Điều 428, Điều 438; Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468; điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 3 Nghị quyết số: 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lệ phí, án phí Tòa án và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Châu Thị C số tiền 139.636.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Các bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

Khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.981.000 đồng (Sáu triệu, chín trăm tám mươi một nghìn đồng), nhưng bà Đ có đơn xin miễn tiền án phí do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế dẫn đến không khả năng nộp tiền án phí và thuộc trường hợp người cao tuổi, nên HĐXX miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Đ là 6.981.000 đồng.

Bà Châu Thị C được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 3.490.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002988 ngày

03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng